

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2022

V/v “*Ly hôn và nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Quang

Ông Lê Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 278/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc “*Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị H, sinh ngày 18/01/1989 (có mặt)

Trú tại: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn: anh L, sinh ngày 28/6/1987 (có mặt)

Trú tại: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị H trình bày:

Chị và anh L tự nguyện kết hôn vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (Bình Đại – Bến Tre) vào ngày 29/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên cả hai đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay và hai bên gia đình có nhiều lần vận động vợ chồng anh hàn gắn nhưng vẫn

không đạt được kết quả. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L .

Về con chung: Có 01 con chung: Ng, sinh ngày 29/6/2014. Từ tháng 2/2020 vợ chồng ly thân cho đến nay thì con chung sống chung với chị H. Nay, chị H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/01/2022 và trong quá trình tố tụng vụ án, anh L trình bày:

Anh thống nhất với chị H trình bày về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Về tình cảm vợ chồng, chị xác định vợ chồng khi chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H cờ bạc gây nên nợ nần dẫn đến mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung Ng, sinh ngày 29/6/2014. Từ tháng 10/2020 vợ chồng ly thân cho đến nay thì con chung sống chung với chị H, chị H dắt con đi tỉnh Long An sinh sống và cho học ở Long An cho đến nay. Nay anh cũng muốn nuôi cháu Ng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thành viên HĐXX (Hội đồng xét xử) thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị H ly hôn với anh L . Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị H được nuôi con chung và ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: chị H và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V theo quy định pháp luật vào ngày 29/11/2013, do đó, hôn

nhân của chị H và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H và anh L thống nhất vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 01 con chung cháu Ng, sinh ngày 29/6/2014. Từ lúc ly thân chị H là người trực tiếp nuôi con chung cho đến nay, chị H và anh L đều giành quyền được nuôi cháu Ng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Ng. HĐXX xét thấy: Tuy cả hai bên đều có nguyện vọng nuôi con chung nhưng từ trước đến nay con chung đều sống chung với chị H, chị H nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, cháu Ng cũng có nguyện vọng được sống chung với chị H, chị H có thu nhập ổn định, bé Hân lại là bé gái nên chị H có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu Ng và đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu Ng hơn anh L, đồng thời cháu Ng cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ. Anh L cho rằng chị H cờ bạc gây nợ nần nên không có đủ điều kiện để nuôi con chung, anh L cung cấp một số giấy nợ vay và nợ hui chứng tỏ chị H có nợ của bà Th, ngoài ra anh không cung cấp các tài liệu chứng cứ nào khác. HĐXX xét thấy qua biên bản xác minh ngày 22/7/2022 bà Th trình bày hiện nay chị H cũng có nợ bà một số tiền nhưng bà cho chị H trả dần và chị H cũng thực hiện đầy đủ, bà xác định đây là nợ riêng của chị H bà không có yêu cầu giải quyết về số nợ nêu trên trong cùng vụ án này. Do đó việc anh L trình bày chị H không có điều kiện để nuôi con là không có cơ sở. Vì vậy, yêu cầu của chị H được nuôi cháu Ng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Ng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị H ly hôn với anh L .

2. Về con chung: Chị H được quyền nuôi con chung Ng, sinh ngày 29/6/2014. Anh L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0003419 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã V;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng